TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DIÊN KHÁNH** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 8 - 2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIÊN KHÁNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Sương
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Hòa
Ông Đinh Gia Bảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bảo Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 95/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 50/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Kim T - sinh năm 1989
Địa chỉ: Thôn T 2, xã Diên Đ, huyện D, Khánh Hòa.
Bà T có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Cao Trung N - sinh năm 1981
Địa chỉ: Thôn T 2, xã Diên Đ, huyện D, Khánh Hòa.
Ông N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Kim T trình bày:

Bà và ông Cao Trung N tự nguyện yêu thương và chung sống với nhau từ năm 2010 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Diên Đ, huyện D, tỉnh Khánh Hòa vào năm 2011. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Về sau cuộc sống chung vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, hay cãi nhau. Ng nhân phát sinh mâu thuẫn là do thiếu thốn về mặt tài chính, ông N thì sống vô tâm, không có trách nhiệm với vợ con. Đầu năm 2023, sau khi cãi nhau với ông Nguyên bà đã dẫn con chung Cao Quốc V ra nhà trọ sinh sống cho tới nay. Nay, bà xác định không còn tình cảm với ông N, không thể hàn gắn để xây dựng

hạnh phúc gia đình, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N.

Về con chung: Bà và ông N có hai 02 con chung là Cao Nguyên V, sinh ngày 20/10/2011 và Cao Quốc V, sinh ngày 31/12/2018. Hiện nay cháu V đang sinh sống với ông N, cháu V đang sinh sống với bà. Bà có nguyện vọng nuôi cháu V, giao cháu V cho ông N nuôi, bà không cấp dưỡng nuôi con chung và bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Bà làm phụ hồ thu nhập hàng tháng từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng, không thể nuôi hết hai con nên bà giao cho ông N nuôi cháu V.

Về tài sản chung: Bà và ông N không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định bà và ông N không có nợ chung.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Cao Trung N không đến Tòa án làm việc, không có lời khai.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng, bị đơn không có lời khai, không đến Tòa làm việc.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Trần Thị Kim T được ly hôn với ông Cao Trung N. Giao con chung Cao Nguyên V, sinh ngày 20/10/2011 cho ông N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng; giao con chung Cao Quốc Việt, sinh ngày 31/12/2018 cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông N và bà T. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn xác định không có, không yêu cầu nên đề nghị hội đồng xét xử không xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Cao Trung N tham gia phiên tòa nhưng ông N vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim T và ông Cao Trung N tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 20/01/2011 và được Ủy ban nhân dân xã Diên Đ, huyện D, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 03/2011, đây là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét: Nguyên đơn bà Trần Thị Kim T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với bị đơn ông Cao Trung N vì cuộc sống

vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không thể hàn gắn. Bà T xác định không còn tình cảm với ông N, không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân, không thể hàn gắn để xây dựng hạnh phúc gia đình, mặc dù bà T đã cho ông N nhiều cơ hội nhưng bà xác định vợ chồng không còn hạnh phúc. Thực tế vợ chồng không còn chung sống với nhau từ đầu tháng 3 năm 2023 cho đến nay; mỗi người tự lo cho cuộc sống riêng của mình. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông N đến Tòa để làm việc liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như các phiên hòa giải để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng nhưng ông N không đến Tòa làm việc, không có lời khai và tại phiên tòa ông N cũng vắng mặt không có lý do. Điều này cho thấy ông N có thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến quan hệ hôn nhân của vợ chồng, không muốn hàn gắn để xây dựng hạnh phúc gia đình. Như vậy, đủ cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông N đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống không hạnh phúc nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông N có 02 con chung là Cao Nguyên V, sinh ngày 20/10/2011 và Cao Quốc V, sinh ngày 31/12/2018. Bà T có nguyện vọng nuôi cháu Việt, giao cháu V cho ông N nuôi, bà không cấp dưỡng nuôi con chung và bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Xét, hiện nay cháu V đang sống cùng với ông N, cháu V đang sống cùng bà T, để ổn định cho việc ăn học, đảm bảo cho sự phát triển mọi mặt của các con chung nên cần tiếp tục giao cháu V cho ông N nuôi dưỡng, giao cháu V cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với bà T và ông N. Bà T và ông N đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Bà T và ông N đều có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền thay đổi việc nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Kim T không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung và xác định không có nợ chung nên không xét. Do bị đơn ông N chưa có lời khai về vấn đề này nếu sau này đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.4] Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị Kim T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147, khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Trần Thị Kim T được ly hôn với ông Cao Trung N.

2. Về con chung: Giao con chung Cao Nguyên V, sinh ngày 20/10/2011 cho ông Cao Trung N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao con chung Cao Quốc V, sinh ngày 31/12/2018 cho bà Trần Thị Kim T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông Cao Trung N và bà Trần Thị Kim T. Ông N, bà T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, ông N, bà T đều có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Bà Trần Thị Kim T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0012484 ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Diên Khánh. Như vậy, bà Trần Thị Kim T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Diên Khánh;
- Chi cục THA dân sự huyện Diên Khánh;
- UBND xã Diên Đ, huyện D (Nơi đăng ký kết hôn số 03/2011 ngày 20/01/2011);
- Các đương sự;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

Trần Thị Tuyết Sương
(Đã ký)